

Bài thực hành 06

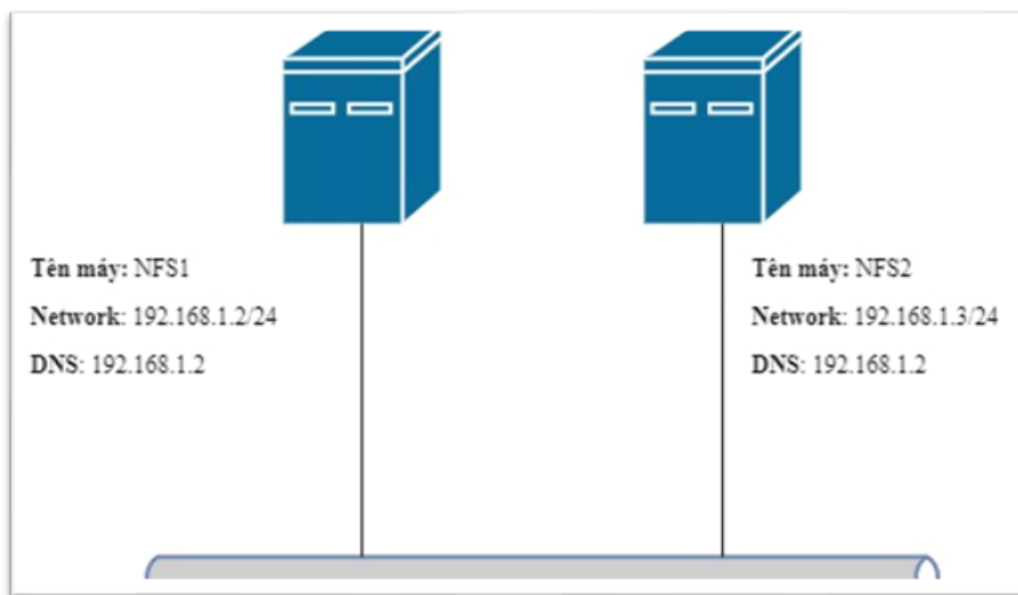
Cấu hình dịch vụ NFS

Yêu cầu: Sinh viên thực hành trên hệ điều hành Ubuntu hoặc CentOS đã cài đặt trước. Sau mỗi bài lab, thực hiện Snapshot để lưu lại quá trình làm.

I. Cấu hình NFS

Chuẩn bị: 2 máy CentOS, đặt tên là NFS1 và NFS2.

Địa chỉ IP mạng cấu hình theo sơ đồ sau



Yêu cầu:

- Cài đặt NFS-Utills

```
[root@nguyenminh ~]# rpm -qa | grep nfs  
libnfsidmap-0.25-19.el7.x86_64  
nfs4-acl-tools-0.3.3-19.el7.x86_64  
nfs-utils-1.3.0-0.61.el7.x86_64
```

- Cấu hình địa chỉ IP

Cách 1:

Hệ điều hành Linux – Lab06

Addresses

Address	Netmask	Gateway	
192.168.1.2	255.255.255.0	192.168.1.1	<input type="button" value="✕"/>
			<input type="button" value="✕"/>

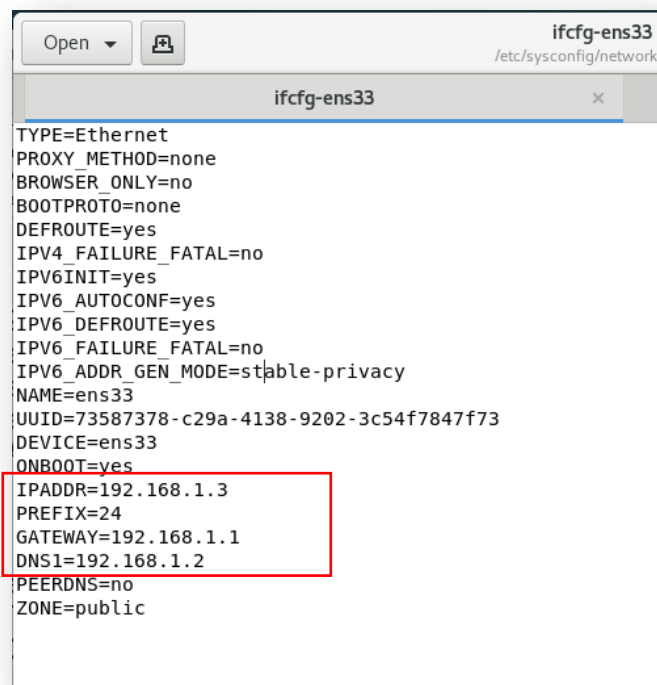
DNS Automatic

192.168.1.2

Separate IP addresses with commas

Cách 2:

```
[root@nguyenminh ~]# gedit /etc/sysconfig/network-scripts/ifcfg-ens33
```



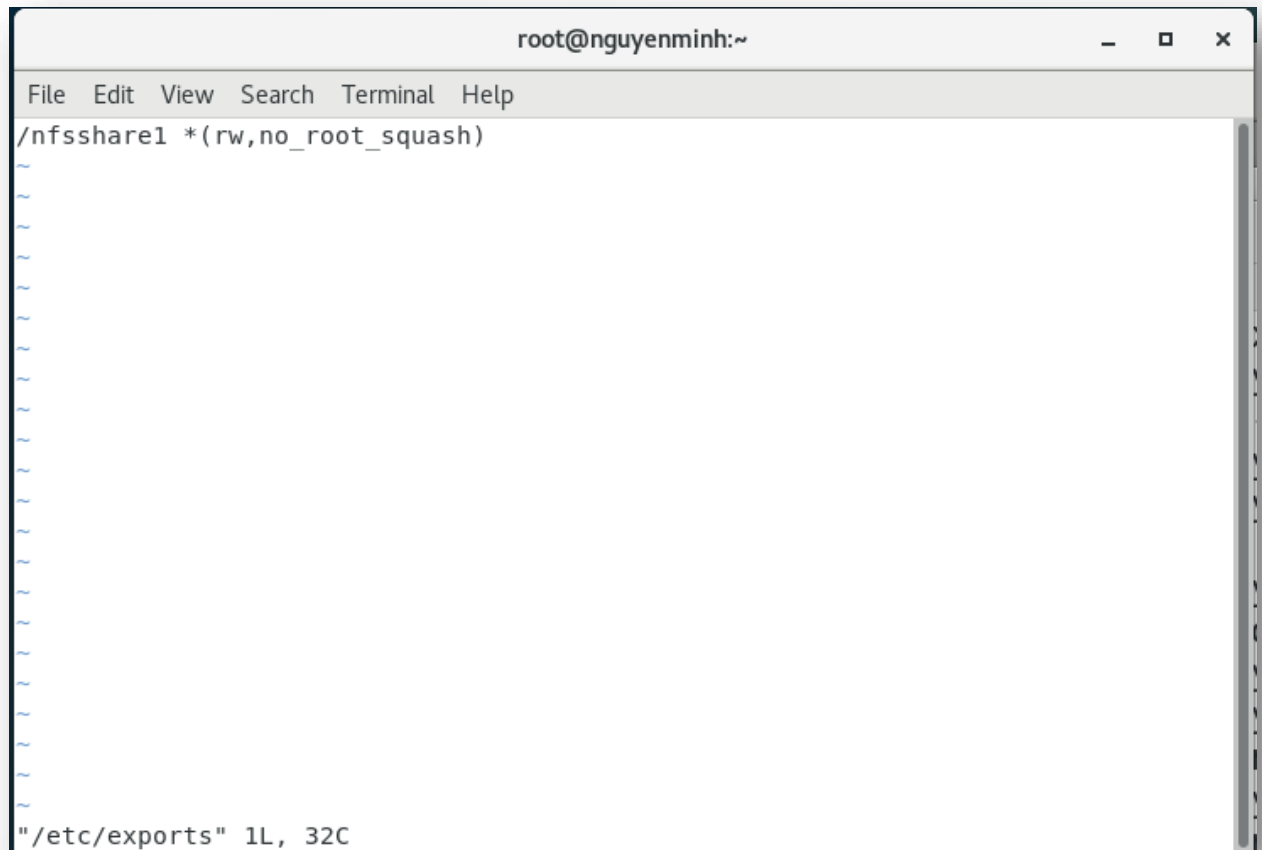
```
ifcfg-ens33
/etc/sysconfig/network

TYPE=Ethernet
PROXY_METHOD=none
BROWSER_ONLY=no
BOOTPROTO=none
DEFROUTE=yes
IPV4_FAILURE_FATAL=no
IPV6INIT=yes
IPV6_AUTOCONF=yes
IPV6_DEFROUTE=yes
IPV6_FAILURE_FATAL=no
IPV6_ADDR_GEN_MODE=stable-privacy
NAME=ens33
UUID=73587378-c29a-4138-9202-3c54f7847f73
DEVICE=ens33
ONBOOT=yes
IPADDR=192.168.1.3
PREFIX=24
GATEWAY=192.168.1.1
DNS1=192.168.1.2
PEERDNS=no
ZONE=public
```

Hệ điều hành Linux – Lab06

```
45 service network restart
46 ip a
```

- Tại máy NFS1, tạo 1 thư mục tên /nfsshare1. Thêm các file vào thư mục nfsshare1
- Sửa nội dung file /etc/exports



```
[root@nguyenminh ~]# exportfs -a
```

- Tắt tường lửa

```
58 firewall-cmd --permanent --add-service=nfs
59 firewall-cmd --permanent --add-service=mountd
60 firewall-cmd --permanent --add-service=rpc-bind
61 firewall-cmd --permanent --add-port=2049/tcp
62 firewall-cmd --permanent --add-port=2049/udp
63 firewall-cmd --reload
```

- Bật dịch vụ NFS

```
56 service nfs start
57 service nfs status
```

Thực hiện Snapshot máy NFS1, Clone máy NFS từ NFS1, sau đó cấu hình trên NFS2

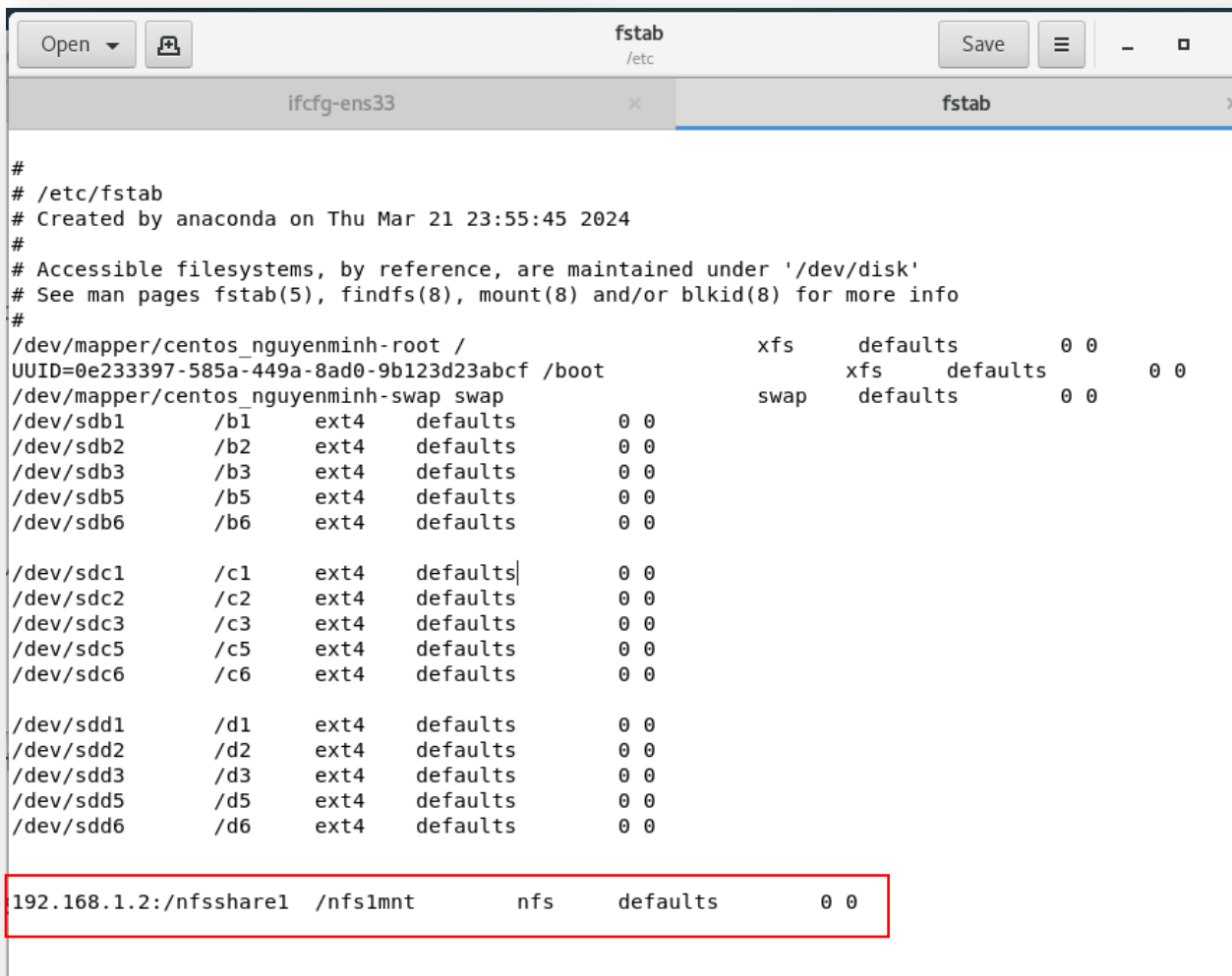
- Cấu hình địa chỉ IP trên NFS2
- Khởi động dịch vụ NFS
- Tạo 1 thư mục tên là nfs1mnt. Sau đó cấu hình mount dữ liệu từ nfsshare1 sang nfsmnt.

Cách 1:

```
48 mkdir /nfs1mnt
49 mount -t nfs 192.168.1.2:/nfsshare1 /nfs1mnt/
```

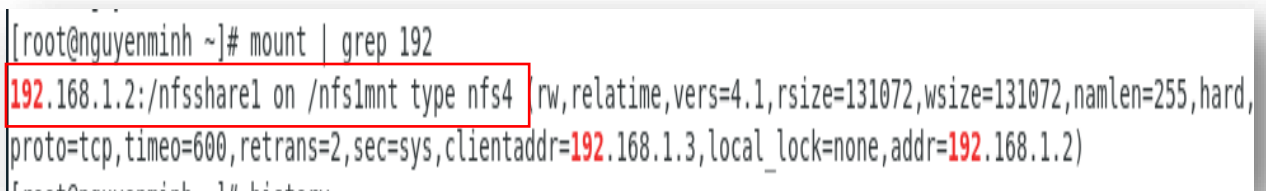
Cách 2:

Hệ điều hành Linux – Lab06



```
#  
# /etc/fstab  
# Created by anaconda on Thu Mar 21 23:55:45 2024  
#  
# Accessible filesystems, by reference, are maintained under '/dev/disk'  
# See man pages fstab(5), findfs(8), mount(8) and/or blkid(8) for more info  
#  
/dev/mapper/centos_nguyenminh-root / xfs defaults 0 0  
UUID=0e233397-585a-449a-8ad0-9b123d23abcf /boot xfs defaults 0 0  
/dev/mapper/centos_nguyenminh-swap swap swap defaults 0 0  
/dev/sdb1 /b1 ext4 defaults 0 0  
/dev/sdb2 /b2 ext4 defaults 0 0  
/dev/sdb3 /b3 ext4 defaults 0 0  
/dev/sdb5 /b5 ext4 defaults 0 0  
/dev/sdb6 /b6 ext4 defaults 0 0  
  
/dev/sdc1 /c1 ext4 defaults 0 0  
/dev/sdc2 /c2 ext4 defaults 0 0  
/dev/sdc3 /c3 ext4 defaults 0 0  
/dev/sdc5 /c5 ext4 defaults 0 0  
/dev/sdc6 /c6 ext4 defaults 0 0  
  
/dev/sdd1 /d1 ext4 defaults 0 0  
/dev/sdd2 /d2 ext4 defaults 0 0  
/dev/sdd3 /d3 ext4 defaults 0 0  
/dev/sdd5 /d5 ext4 defaults 0 0  
/dev/sdd6 /d6 ext4 defaults 0 0  
  
192.168.1.2:/nfsshare1 /nfs1mnt nfs defaults 0 0
```

- Kiểm tra kết quả



```
[root@nguyenminh ~]# mount | grep 192  
192.168.1.2:/nfsshare1 on /nfs1mnt type nfs4 [rw,relatime,vers=4.1,rsz=131072,wsz=131072,namlen=255,hard,  
proto=tcp,timeo=600,retrans=2,sec=sys,clientaddr=192.168.1.3,local_lock=none,addr=192.168.1.2)  
[root@nguyenminh ~]# history
```

II. Bài tập

Làm tương tự bên máy NFS2 sao cho dữ liệu bên NFS2 có thể truy cập được từ NFS1

Lưu ý: Sau khi hoàn thành tất cả bài Lab, thực hiện snapshot các máy, đặt tên là Lab6.